

**LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC**

Số : **198**/CĐGD
V/v hướng dẫn CĐCS xây dựng dự toán
tài chính công đoàn năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hoà Bình, ngày **03** tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc.

Căn cứ Hướng dẫn số 15/HD-LĐLĐ ngày 22/10/2020 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hòa Bình về việc hướng dẫn xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2022;

Căn cứ Công văn 313/LĐLĐ ngày 22/10/2021 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hòa Bình về việc báo cáo số liệu chuẩn bị xây dựng dự toán năm 2022;

Căn cứ số liệu về số lao động, quỹ tiền lương đóng Bảo hiểm Xã hội tại thời điểm tháng 9 năm 2021 của các đơn vị, trường học trực thuộc do cơ quan Bảo hiểm Xã hội các huyện, thành phố cung cấp;

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình hướng dẫn công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2022 như sau:

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ YÊU CẦU KHI XÂY DỰNG DỰ TOÁN

1. Mục tiêu, nguyên tắc

- Dự toán tài chính công đoàn năm 2022 cần quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Công đoàn, Nghị định của Chính phủ, quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và hướng dẫn của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình về công tác tài chính công đoàn.

- Xây dựng dự toán thu tài chính công đoàn phải đảm bảo thu đúng, thu đủ; chi tài chính công đoàn phải đảm bảo chi đúng chế độ và định mức theo quy định của Nhà nước, của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Yêu cầu

- Dự toán tài chính công đoàn năm 2022 phải xây dựng theo hướng tích cực, có tính khả thi cao phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.

- Xây dựng các khoản chi theo hướng tiết kiệm, hiệu quả.

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2022

1. Xây dựng dự toán thu tài chính công đoàn năm 2022

1.1. Thu kinh phí Công đoàn

Quỹ lương làm căn cứ xác định số thu kinh phí công đoàn năm 2022 để xây dựng dự toán được tính theo công thức sau:

Ước quỹ lương năm 2022 = Mức lương bình quân 1 tháng của 1 lao động (Theo số liệu BHXH cung cấp) x số lao động phải đóng KPCĐ x 12 tháng x 5% (mức tăng lương định kỳ).

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình gửi kèm theo Công văn này bản “**Kế hoạch thu kinh phí, đoàn phí CĐ năm 2022**”. Số liệu trong “Kế hoạch thu kinh phí, đoàn phí CĐ năm 2022” được CĐGD Hoà Bình tính toán trên cơ sở quỹ lương tháng 9 của các đơn vị do cơ quan BHXH cung cấp.

Đơn vị lấy số liệu KPCĐ ở cột thứ 10 trong bản Kế hoạch thu kinh phí, đoàn phí CĐ năm 2022 để xây dựng dự toán.

1.2. Thu đoàn phí Công đoàn

Quỹ lương làm căn cứ xác định số thu đoàn phí công đoàn năm 2021 để xây dựng dự toán được tính theo công thức sau:

Ước quỹ lương năm 2022 = Mức lương bình quân 1 tháng của 1 đoàn viên (Theo số liệu BHXH cung cấp) x số đoàn viên thực tế tại đơn vị x 12 tháng x 5% (mức tăng lương định kỳ).

Đơn vị lấy số liệu ĐPCĐ ở cột thứ 13 trong bản Kế hoạch thu kinh phí, đoàn phí CĐ năm 2022 để xây dựng dự toán.

1.2. Kinh phí cấp trên cấp

Năm 2022, theo quy định của Tổng LĐLĐ Việt Nam, CĐCS được sử dụng 75% số thu KPCĐ, 60% số thu ĐPCĐ và 100% thu khác của đơn vị do vậy tỷ lệ kinh phí cấp trên cấp về cho CĐCS là 1,1 (sau khi đã tính bù trừ với số đoàn phí công đoàn CĐCS phải nộp lên cấp trên và số kinh phí công đoàn CĐCS được sử dụng tại đơn vị).

1.3. Thu khác

Nguồn thu do chuyên môn hỗ trợ hoặc từ các nguồn thu khác tại đơn vị.

*** Ví dụ 1: Công đoàn trường THPT Mai Châu B (Số liệu lấy trên bản Kế hoạch thu kinh phí CĐ năm 2022) (đã được làm tròn).**

Phần thu:

- Tài chính tích lũy kỳ trước chuyển sang (nếu có):	0đ
- Đoàn phí CĐ (cột số 13)	19.650.000đ
- Thu khác (nếu có):	0đ
- Kinh phí cấp trên cấp:	21.614.000đ
<i>(Cách tính KP cấp trên cấp = "2% kinh phí CĐ" (số liệu ở cột 10): 2 * 1,1).</i>	
- Nhận bàn giao tài chính công đoàn (nếu có):	0đ

Cộng thu:

41.264.000đ

2. Xây dựng dự toán chi tài chính công đoàn năm 2022

Dự toán tài chi năm 2022 cần chấp hành nguyên tắc và phân bổ dự toán của Công đoàn Giáo dục Hoà Bình; quán triệt các giải pháp về tiết kiệm chi tiêu, chống lãng phí, đảm bảo đúng chế độ, định mức theo quy định và pháp luật hiện hành.

Dự toán chi phải trong phạm vi nguồn thu được phân phối, sử dụng trong năm theo quy định. Trong dự toán chi cần cân nhắc kỹ nguồn kinh phí để cân đối nguồn chi đảm bảo sát thực tế. Đặc biệt, năm 2022, là năm tiến hành Đại hội công đoàn các cấp, do vậy CĐCS cần xây dựng dự toán mục chi cho nội dung này;

Năm 2022 nguồn kinh phí của CĐCS không thực hiện phân bổ theo tỷ lệ như trước đây (30% chi phụ cấp, 10% chi hành chính, 60% chi hoạt động phong trào) mà thực hiện phân bổ như sau:

TT	Nội dung	Tỷ lệ(%)	Lưu ý	Mục, tiểu mục
I	Từ nguồn thu 60% đoàn phí CĐCS được sử dụng			
1	Chi phụ cấp CBCĐ	Tối đa 45%	Trong trường hợp thiếu,	34.02

			CĐCS phải xem xét giảm đối tượng, mức chi phụ cấp CBCĐ cho phù hợp với nguồn TC được phân bổ	
2	Chi thăm hỏi đoàn viên CĐ	Tối thiểu 40%		31
3	Chi khác	Tối đa 15%		37
II	Từ nguồn thu 75% kinh phí CĐCS được sử dụng			
1	Chi bảo vệ, chăm lo đoàn viên và người lao động	Tối thiểu 40%		31
2	Chi đào tạo đoàn viên và người lao động	Tối thiểu 20%		32
3	Chi tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động	Tối đa 25%		
4	Chi quản lý hành chính	Tối đa 15%		33

Các nội dung được quy định tỷ lệ chi tối đa, nếu chi không hết bổ sung cho các nội dung chi có tỷ lệ tối thiểu.

Đối với nguồn thu khác: CĐCS được tự quyết định việc phân bổ cho các khoản mục chi, mức chi.

*** Ví dụ 2: Công đoàn trường THPT Mai Châu B (Số liệu lấy trên bản Kế hoạch thu kinh phí CĐ năm 2022) (số liệu đã được làm tròn)**

Phân chi: Theo số liệu thu đã có ở ví dụ 1 (41.264.000đ)

TT	Nội dung	Tỷ lệ(%)	Số tiền	Mục, tiêu mục	Cách tính
I	Số kinh phí CĐCS được sử dụng từ nguồn thu 60% ĐPCĐ		11.790.000đ (I)		ĐPCĐ (cột số 13) x 60%
1	Chi phụ cấp CBCĐ	Tối đa 45%	5.305.500	34.02	45%x(I)
2	Chi thăm hỏi đoàn viên công đoàn	Tối thiểu 40%	4.716.000	31	40%x(I)
3	Chi khác	Tối đa 15%	1.768.500	37	15%x(I)
II	Số kinh phí CĐCS được sử dụng từ nguồn thu 75% KPCĐ		29.474.000 (II)		KPCĐ (cột số 10) x 75%
1	Chi bảo vệ, chăm lo đoàn viên và người lao động	Tối thiểu 40%	11.790.000	31	40%x(II)
2	Chi đào tạo đoàn viên và người lao động	Tối thiểu 20%	5.895.000	32	20%x(II)
3	Chi tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động	Tối đa 25%	7.368.000		25%x(II)
4	Chi quản lý hành chính	Tối đa 15%	4.421.000	33	15%x(II)

Căn cứ vào số liệu chi đã được dự toán ở biểu trên, CĐCS đưa vào báo cáo dự toán thu, chi tài chính CĐ năm 2022 (mẫu B14). Trong đó **lưu ý:**

- Phần 3.1 (Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và người lao động – mục lục 31) là tổng kinh phí của “chi thăm hỏi đoàn viên” và “chi bảo vệ, chăm lo đoàn viên và người lao động”.

- Phần IV (Tài cính CĐ tích lũy cuối kỳ) = tài chính CĐ tích lũy đầu kỳ + Thu TCCĐ phát sinh trong kỳ - Chi TCCĐ phát sinh trong kỳ.

- Phần V (Dự phòng): CĐCS không phải điền vào mục này.

III. XÂY DỰNG QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

Để công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc sử dụng nguồn kinh phí được giao một cách chủ động, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, CĐGD Hòa Bình sẽ ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công đoàn năm 2022 khi có quy định mới của Tổng Liên đoàn về chi tiêu tài chính CĐCS. Các CĐCS căn cứ vào nội dung văn bản để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công đoàn của đơn vị đảm bảo phù hợp với nguồn kinh phí được phân bổ theo quy định mới.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. CĐGD Hòa Bình đề nghị Chủ tịch công đoàn các đơn vị, trường học phối hợp với Thủ trưởng đơn vị rà soát, đối chiếu số liệu dự toán tại đơn vị mình với số liệu được xây dựng trong bản Kế hoạch thu kinh phí, đoàn phí CĐ năm 2022 do CĐ ngành xây dựng. Nếu có sự chênh lệch giữ số liệu của đơn vị với số liệu được xây dựng trong bản Kế hoạch thu thì đơn vị phải có báo cáo giải trình, thuyết minh cụ thể (**Theo mẫu 01**); nếu dự kiến trong năm 2022 đơn vị có đoàn viên được miễn đóng đoàn phí, kinh phí CĐ thì lập danh sách thống kê các đối tượng (**theo mẫu 02**) nộp về CĐGD Hòa Bình theo địa chỉ email: congdoan@hoabinh.edu.vn trước **ngày 07/11/2021**, bản dấu đỏ nộp trước **ngày 09/11/2021**. Sau thời gian trên, nếu đơn vị nào không có phản hồi thì CĐGD Hòa Bình sẽ lấy số liệu trong bản KH trên làm số liệu chuẩn để xây dựng dự toán thu kinh phí, đoàn phí CĐ năm 2022 và làm căn cứ để phê duyệt dự toán cho các đơn vị, trường học.

2. Công đoàn cơ sở lập 02 bản báo cáo dự toán thu, chi TCCĐ năm 2022 (**theo mẫu B14-TLĐ đính kèm**) nộp về Thường trực CĐGD Hòa Bình trước **ngày 09/11/2021**.

Công đoàn Giáo dục Hòa Bình đề nghị công đoàn các đơn vị, trường học trực thuộc căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị xây dựng dự toán tài chính công đoàn năm 2022 đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CĐGD Hòa Bình;
- Website ngành;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH
BCH
CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC
Bùi Đức Ngọc

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH HÒA BÌNH

CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC HÒA BÌNH

BIỂU KẾ HOẠCH THU ĐOÀN PHÍ, KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN 2022

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU DO BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ XÂY DỰNG DỰ TOÁN							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2021	Quỹ lương tháng 9/2021	Lương bình quân 1 lao động/ tháng	Kinh phí công đoàn 2%					Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng (+), giảm (-) trong năm	Cộng lao động phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2022	2% KPCĐ PHẢI THU NĂM 2022	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 5%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2022
1	2	3	4	5 + 2	6	7	8=3+6+7	9 (lương bình quân 1.1) (5) * 1.1 phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng*5%	10=9*2%	11=5*1,05	12	13=11*12*12 tháng*1%
A	KHỐI HCSN	2498	15,137,877		0	0	2498	190,737,250	3,814,745		2498	1,907,373
1	Sở Giáo dục và đào tạo Hoà Bình	46	320,855	6,975			46	4,042,767	80,855	7,324	46	40,428
2	T. tâm GDTX tỉnh HB	35	247,367	7,068			35	3,116,823	62,336	7,421	35	31,168
3	Trung tâm Kỹ thuật THHN-NNTH	27	197,088	7,300			27	2,483,309	49,666	7,665	27	24,833
4	Trường cao đẳng sư phạm Hoà Bình	115	706,635	6,145			115	8,903,604	178,072	6,452	115	89,036
5	Trường PTDT nội trú THPT tỉnh HB	70	499,505	7,136			70	6,293,757	125,875	7,493	70	62,938
6	Trường PTDTNT THCS&THPT Lương Sơn	31	165,926	5,352			31	2,090,672	41,813	5,620	31	20,907
7	Trường PTDTNT THCS&THPT Đà Bắc	41	213,863	5,216			41	2,694,674	53,893	5,477	41	26,947
8	Trường PTDT nội trú THCS B Đà Bắc	33	136,941	4,150			33	1,725,457	34,509	4,357	33	17,255
9	Trường PTDTNT THCS&THPT Cao Phong	42	258,361	6,151			42	3,255,349	65,107	6,459	42	32,553
10	Trường PTDTNT THCS&THPT Tân Lạc	41	248,116	6,052			41	3,126,262	62,525	6,354	41	31,263
11	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Sơn	41	241,200	5,883			41	3,039,120	60,782	6,177	41	30,391
12	Trường PTDTNT THCS&THPT Yên Thủy	39	210,617	5,400			39	2,653,774	53,075	5,670	39	26,538

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU DO BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ XÂY DỰNG DỰ TOÁN							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2021	Quỹ lương tháng 9/2021	Lương bình quân 1 lao động/tháng	Kinh phí công đoàn 2%					Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng (+), giảm (-) trong năm	Công lao động phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2022	2% KPCĐ PHẢI THU NĂM 2022	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 5%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2022
1	2	3	4	5-4*2	6	7	8=3+6+7	9 = (lương bình quân 1.Đ (5) * 1.Đ phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng*5%	10=9*2%	11=5*1,05	12	13=11*12*12 tháng*1%
13	Trường PTDTNT THCS&THPT Lạc Thủy	37	186,921	5,052			37	2,355,205	47,104	5,305	37	23,552
14	Trường PTDTNT THCS&THPT Mai Châu	39	237,166	6,081			39	2,988,296	59,766	6,385	39	29,883
15	Trường PTDT nội trú THCS B Mai Châu	31	170,579	5,503			31	2,149,295	42,986	5,778	31	21,493
16	Trường PTDTNT THCS&THPT Kim Bôi	45	255,642	5,681			45	3,221,084	64,422	5,965	45	32,211
17	Trường THPT Ngô Quyền	35	213,822	6,109			35	2,694,152	53,883	6,415	35	26,942
18	Trường THPT Lạc Long Quân	56	349,313	6,238			56	4,401,338	88,027	6,550	56	44,013
19	Trường THPT Công nghiệp Hoà Bình	68	481,347	7,079			68	6,064,971	121,299	7,433	68	60,650
20	Trường THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	127	852,390	6,712			127	10,740,115	214,802	7,047	127	107,401
21	Trường THPT Lương Sơn	87	586,805	6,745			87	7,393,743	147,875	7,082	87	73,937
22	Trường THPT Nam Lương Sơn	53	298,195	5,626			53	3,757,257	75,145	5,908	53	37,573
23	Trường THPT Cù Chính Lan	57	354,773	6,224			57	4,470,144	89,403	6,535	57	44,701
24	Trường THPT Kỳ Sơn	46	295,157	6,416			46	3,718,978	74,380	6,737	46	37,190
25	Trường THPT Phú Cường - Kỳ Sơn	34	187,383	5,511			34	2,361,026	47,221	5,787	34	23,610
26	Trường THPT Đà Bắc	50	312,369	6,247			50	3,935,849	78,717	6,560	50	39,358
27	Trường THPT Mường Chiềng - Đà Bắc	36	171,978	4,777			36	2,166,923	43,338	5,016	36	21,669
28	Trường THPT Yên Hoà - Đà Bắc	25	108,628	4,345			25	1,368,713	27,374	4,562	25	13,687
29	Trường THPT Cao Phong	49	322,646	6,585			49	4,065,340	81,307	6,914	49	40,653

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU DO BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ XÂY DỰNG DỰ TOÁN							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2021	Quỹ lương tháng 9/2021	Lương bình quân 1 lao động/ tháng	Kinh phí công đoàn 2%					Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng (+), giảm (-) trong năm	Công lao động phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2022	2% KPCĐ PHẢI THU NĂM 2022	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 5%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2022
1	2	3	4	5 + 2	6	7	8=3+6+7	9 = (lương bình quân 1.Đ (5) * 1.Đ phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng*5%	10=9*2%	11=5*1,05	12	13=11*12*12 tháng*1%
30	Trường THPT Thạch Yên - Cao Phong	33	179,724	5,446			33	2.264,522	45,290	5,718	33	22,645
31	Trường THPT Tân Lạc	52	334,798	6,438			52	4.218,455	84,369	6,760	52	42,185
32	Trường THPT Lũng vann - Tân Lạc	27	150,735	5,583			27	1.899,261	37,985	5,862	27	18,993
33	Trường THPT Đoàn kết - Tân Lạc	42	241,589	5,752			42	3.044,021	60,880	6,040	42	30,440
34	Trường THPT Mường Bi - Tân Lạc	53	307,598	5,804			53	3.875,735	77,515	6,094	53	38,757
35	Trường THPT Lạc Sơn	59	352,620	5,977			59	4.443,012	88,860	6,275	59	44,430
36	Trường THPT Đại Đồng - Lạc Sơn	53	285,837	5,393			53	3.601,546	72,031	5,663	53	36,015
37	Trường THPT Cộng Hòa - Lạc Sơn	48	255,357	5,320			48	3.217,498	64,350	5,586	48	32,175
38	Trường THPT Quyết Thắng - Lạc Sơn	48	243,440	5,072			48	3.067,344	61,347	5,325	48	30,673
39	Tr. THCS và THPT Ngọc Sơn - Lạc Sơn	47	268,332	5,709			47	3.380,983	67,620	5,995	47	33,810
40	Trường THPT Yên Thủy A	56	376,060	6,715			56	4.738,356	94,767	7,051	56	47,384
41	Trường THPT Yên Thủy B	48	315,687	6,577			48	3.977,656	79,553	6,906	48	39,777
42	Trường THPT Yên Thủy C	36	214,512	5,959			36	2.702,851	54,057	6,257	36	27,029
43	Trường THPT Lạc Thủy	42	286,909	6,831			42	3.615,053	72,301	7,173	42	36,151
44	Trường THPT Lạc Thủy B	50	330,139	6,603			50	4.159,751	83,195	6,933	50	41,598
45	Trường THPT Lạc Thủy C	32	197,930	6,185			32	2.493,918	49,878	6,495	32	24,939
46	Trường THPT Thanh Hà - Lạc Thủy	37	234,688	6,343			37	2.957,069	59,141	6,660	37	29,571

TT	Tên đơn vị	SỐ LIỆU DO BHXH CUNG CẤP			SỐ LIỆU ĐƠN VỊ XÂY DỰNG DỰ TOÁN							
		Số lao động đến thời điểm tháng 9/2021	Quỹ lương tháng 9/2021	Lương bình quân 1 lao động/ tháng	Kinh phí công đoàn 2%					Đoàn phí công đoàn		
					Lao động phải đóng KPCĐ nhưng chưa tham gia BHXH	Dự kiến lao động tăng (+), giảm (-) trong năm	Công lao động phải đóng KPCĐ	Ước quỹ lương thực hiện năm 2022	2% KPCĐ PHẢI THU NĂM 2022	Lương bình quân /đoàn viên (lương BQ lao động tháng 9 * 5%)	Số đoàn viên	1% đoàn phí công đoàn phải thu 2022
1	2	3	4	5=4*2	6	-	8=3+6+7	9 = (lương bình quân LD (5) * LD phải đóng KPCĐ (8) * 12 tháng*5%	10=9*2%	11=5*1,05	12	13=11*12*12 tháng*1%
47	Trường THPT Kim Bôi	63	379,925	6,031			63	4,787,054	95,741	6,332	63	47,871
48	Trường THPT 19/5 Kim Bôi	66	407,670	6,177			66	5,136,646	102,733	6,486	66	51,366
49	Trường THPT Sào Báy - Kim Bôi	51	269,332	5,281			51	3,393,580	67,872	5,545	51	33,936
50	Trường THPT Bắc Sơn - Kim Bôi	35	181,015	5,172			35	2,280,786	45,616	5,430	35	22,808
51	Trường THPT Mai Châu	52	336,443	6,470			52	4,239,186	84,784	6,794	52	42,392
52	Trường THPT Mai Châu B	32	155,950	4,873			32	1,964,970	39,299	5,117	32	19,650
B	KHỎI SXKD	19	76,298	4,016			19	961,351	19,227	4,216	19	9,614
53	Cty CP sách và thiết bị trường học HB	19	76,298	4,016			19	961,351	19,227	4,216	19	9,614
	Tổng cộng (A + B)	2517	15,214,175	4,016	0	0	2517	191,698,601	3,833,972	4,216	2517	1,863,891

NGƯỜI LẬP

Đinh Thị Quỳnh Như

Ngày 03 tháng 11 năm 2021

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH

BCH
CÔNG ĐOÀN
GIÁO DỤC

Bùi Đức Ngọc

Công đoàn cấp trên: CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC HÒA BÌNH

Đơn vị:

Loại hình đơn vị:

BÁO CÁO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CÔNG ĐOÀN Năm 2022

A- CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

- Số lao động đóng KPCĐ (người):

- Quỹ tiền lương đóng KPCĐ (đ):

- Số đoàn viên (người):

- Quỹ tiền lương đóng ĐPCĐ (đ):

B- CÁC CHỈ TIÊU NGÂN SÁCH

TT	Nội dung	Mục lục TCCĐ	Ước TH năm trước	Dự toán năm nay	Ghi chú
I	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	10			
II	PHẦN THU				
2.1	Thu đoàn phí công đoàn	22			
2.2	Thu kinh phí công đoàn	23			
2.3	Các khoản thu khác	25			
	a- Chuyên môn hỗ trợ	25.01			
	b- Thu khác tại đơn vị	25.02			
	Cộng thu				
2.4	Kinh phí cấp trên cấp	28			
	a. Kinh phí công đoàn cấp trên cấp theo phân phối	28.01.01			
	b. Tài chính công đoàn cấp trên cấp hỗ trợ	28.02.01			
2.5	Nhận bàn giao tài chính công đoàn	40			
	Tổng cộng thu				
III. PHẦN CHI					
3.1	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo đoàn viên và người lao động	31			

3.2	Chi tuyên truyền đoàn viên và người lao động	32			
3.3	Chi quản lý hành chính	33			
3.4	Chi lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương	34			
	a. Lương, phụ cấp ... của cán bộ trong biên chế	34.01			
	b. Phụ cấp cán bộ công đoàn	34.02			
	c. Các khoản phải nộp theo lương	34.03			
3.5	Chi khác	37			
	Cộng chi				
3.6	ĐPCĐ, KPCĐ đã nộp cấp trên quản lý trực tiếp	39			
3.7	Bản giao tài chính công đoàn	42			
	Tổng cộng chi				
IV	TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN TÍCH LŨY CUỐI KỲ (IV=I+II-III)	50			
V	DỰ PHÒNG	70			

C- THUYẾT MINH

.....

.....

.....

.....

|

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2021

TM. BAN CHẤP HÀNH

CHỦ TỊCH

THUYẾT MINH SỐ LIỆU DỰ TOÁN 2022

1. Số LĐ phải đóng KPCĐ năm 2022:..... người.

- Tăng (giảm) so với số liệu trong bản Kế hoạch thu KPCĐ năm 2022 của CĐGD Hòa Bình là: người;

- Lý do tăng (giảm):.....
.....
.....

(Đơn vị cần nêu rõ lý do số LĐ tăng (giảm) so với số liệu trong bản Kế hoạch thu KPCĐ năm 2022 của CĐGD Hòa Bình).

2. Số đoàn viên đóng ĐPCĐ năm 2022:..... người.

- Tăng (giảm) so với số liệu trong bản Kế hoạch thu KPCĐ năm 2022 của CĐGD Hòa Bình là:người;

- Lý do tăng (giảm):.....
.....
.....

(Đơn vị cần nêu rõ lý do số đoàn viên tăng (giảm) so với số liệu trong bản Kế hoạch thu KPCĐ năm 2022 của CĐGD Hòa Bình).

3. Ước quỹ lương thực hiện năm 2022:..... đồng.

- Tăng (giảm) so với số liệu trong bản Kế hoạch thu KPCĐ năm 2022 của CĐGD Hòa Bình là: đồng;

- Lý do tăng (giảm):.....
.....
.....

(Đơn vị cần nêu rõ lý do số quỹ lương tăng (giảm) so với số liệu trong bản Kế hoạch thu KPCĐ năm 2022 của CĐGD Hòa Bình).

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
THỦ TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

Ngày tháng 11 năm 2021
TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)

CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC HÒA BÌNH
CÔNG ĐOÀN:.....

Mẫu 02

DANH SÁCH ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN MIỄN ĐÓNG ĐOÀN PHÍ, KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN NĂM 2022

TT	Họ tên	Thời gian dự kiến nghỉ	Lý do nghỉ	Số quỹ lương dự kiến giảm trong năm 2022 (đồng)	1% ĐPCĐ dự kiến được miễn giảm (đồng)	2% KPCĐ dự kiến được miễn giảm (đồng)	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8
I	ĐVCD hưởng trợ cấp BHXH từ 1 tháng trở lên						
1							
2							
...							
II	ĐVCD không có việc làm, thu nhập từ 1 tháng trở lên						
1							
2							
....							
III	ĐVCD tại DN có mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng						
1							
2							
....							
	Cộng						

Ngày tháng 11 năm 2021

NGƯỜI TỔNG HỢP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ